|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: 163/TTr-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023* |

**TỜ TRÌNH TÓM TẮT**

**Dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)**

Kính gửi: Quốc hội.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) như sau:

# I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

## 1. Cơ sở thực tiễn

Qua hơn 10 năm thực hiện, Luật Tài nguyên nước năm 2012 đã góp phần tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của toàn xã hội về bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước; tài nguyên nước được quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững hơn, mang lại nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, một số quy định của Luật 2012 còn giao thoa, chồng chéo với các luật khác dẫn đến khó thực hiện hoặc lãng phí nguồn lực. Đồng thời, thiếu khung pháp lý cho an ninh nguồn nước, đặc biệt là vấn đề bảo đảm an ninh nước cho sinh hoạt; thiếu quy định cụ thể liên quan đến điều hòa, phân bổ nguồn nước, giám sát chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước; vấn đề bổ sung nhân tạo nước dưới đất; vấn đề giảm thiểu ngập lụt đô thị, định giá đầy đủ giá trị của tài nguyên nước; một số điều kiện kinh doanh không còn phù hợp; chưa có cơ chế, chính sách minh bạch, rõ ràng để tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các nguồn lực xã hội của các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương; một số nội dung phát sinh mới trong thực tiễn nhưng pháp luật chưa có quy định điều chỉnh.

Bên cạnh đó, việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước ở một số nơi còn chưa nghiêm, việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm chưa được thực hiện tốt; các cơ chế tài chính, chế tài, công cụ kiểm soát, giám sát chưa hiệu quả; các cơ chế hợp tác, giải quyết các vấn đề nước xuyên biên giới còn chưa đồng bộ; sự phối hợp chưa đồng bộ, hiệu quả giữa các cấp, các ngành; một số nội dung của pháp luật có liên quan chưa thống nhất, đồng bộ với Luật Tài nguyên nước,…

## 2. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Hiến pháp năm 2013 quy định tài nguyên nước là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nêu rõ: “Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên”.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, nêu rõ: “Đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính, tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực cho ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; quán triệt và vận dụng có hiệu quả các nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế: đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hóa, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

- Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022.

- Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nêu giải pháp rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước bảo đảm đồng bộ, khả thi. Xây dựng và hoàn thiện chính sách khuyến khích thu hút nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm liên kết, kết nối nguồn nước liên tỉnh, liên vùng,...

Như vậy, cần thiết phải cập nhật, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên nước. Trong đó, cần nghiên cứu, sửa đổi ban hành Luật Tài nguyên nước (sửa đổi)theo hướng bổ sung, hoàn thiện các chính sách đã ban hành và nghiên cứu tích hợp các quy định về quản lý nước trong một bộ luật về nước để quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước.

# II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

## 1. Mục đích

a) Hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất, bảo đảm minh bạch để có khả năng khai thác tối đa nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả; bảo đảm an ninh nguồn nước quốc gia; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; phân định rõ trách nhiệm quản lý nguồn nước và trách nhiệm quản lý công trình khai thác nước cả trung ương và địa phương khắc phục các chồng chéo, xung đột pháp luật.

b) Hướng tới quản lý tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số, thống nhất về cơ sở dữ liệu, xây dựng bộ công cụ hỗ trợ ra quyết định theo thời gian thực, giảm thiểu nhân lực quản lý, vận hành, chi phí đầu tư của nhà nước; giảm điều kiện kinh doanh cho tổ chức, cá nhân.

c) Chuyển dần từ quản lý bằng công cụ hành chính sang quản lý bằng công cụ kinh tế thông qua các chính sách về: giá nước, thuế, phí, lệ phí, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; đẩy mạnh xã hội hoá.

## 2. Quan điểm xây dựng Luật

a) Thể chế hóa quan điểm tài nguyên nước là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân và do Nhà nước thống nhất quản lý. Tài nguyên nước phải là cốt lõi trong xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch dân cư, quy hoạch các ngành, lĩnh vực có khai thác sử dụng nước, hoạch định chiến lược phát triển đất nước.

b) Các quy định của Luật phải bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành liên quan và phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

c) Kế thừa các quy định của Luật 2012 đang phát huy hiệu quả; bãi bỏ các quy định bất cập; cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành cho phù hợp.

d) Thiết lập hệ thống hành lang pháp lý cho quản trị tài nguyên nước quốc gia trên nền tảng công nghệ số và tích hợp các quy định liên quan đến quản lý nguồn nước, khai thác, sử dụng, cấp nước trong Luật Tài nguyên nước; tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách theo hướng xã hội hóa ngành nước.

đ) Đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia; chú trọng phòng ngừa, kiểm soát và phục hồi các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt và ô nhiễm; tách bạch quản lý tổng hợp thống nhất về tài nguyên nước với quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước.

e) Giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn; luật hóa các quy định đã được thực tiễn khẳng định phù hợp.

g) Phát triển kinh tế nước, coi sản phẩm nước là hàng hóa thiết yếu; bảo đảm công bằng trong tiếp cận nguồn nước.

h) Tiếp cận theo xu thế của quốc tế có tính đến đặc thù của Việt Nam; sửa đổi Luật theo hướng quy định tích hợp các nội dung liên quan đến tài nguyên nước; đồng thời, giao trách nhiệm cho các bộ, ngành quản lý theo đúng chức năng nhiệm vụ đã được quy định tại các luật có liên quan đến tài nguyên nước như: thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông thủy,...

# III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Việc xây dựng dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) được thực hiện theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Bên cạnh việc tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định, nhằm có đầy đủ cơ sở khoa học, thực tiễn, cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội, các chuyên gia, các tổ chức quốc tế, nhà khoa học trong và ngoài nước.

- Ngày 30/12/2022, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Báo cáo thẩm định số 243/BCTĐ-BTP. Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp.

- Ngày 02/02/2023, Chính phủ đã họp cho ý kiến về dự án luật và thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 09/02/2023. Trên cơ sở ý kiến của các Thành viên Chính phủ, cơ quan chủ trì soạn thảo đã báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ và hoàn thiện dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

- Ngày 17/02/2023, Chính phủ đã trình Quốc hội dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại tờ trình số 37/TTr-CP.

- Ngày 13/3/2023, Uỷ ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội đã có Báo cáo số 1275/BC-UBKHCNMT15 về Thẩm tra sơ bộ dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi).

- Ngày 15/3/2023, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đã họp và cho ý kiến về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) tại Phiên họp thứ 21 và đã có Kết luận tại Thông báo số 2127/TB-TTKQH ngày 31/3/2023 về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi) và việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Hồ chứa nước Ka Pét huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (tại Phiên họp thứ 21, tháng 03/2023).

# IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật bám sát vào bốn chính sách đã được Chính phủ trình Quốc hội và không bổ sung chính sách mới, cụ thể như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh

- Luật này quy định về quản lý,bảo vệkhai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nước dưới đất và nước biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ***và*** nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Về cơ bản, phạm vi điều chỉnh được giữ nguyên như Luật 2012.

## 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

## 3. Bố cục dự thảo Luật

Dự thảo Luật Tài nguyên nước sửa đổi gồm **83** điều và được bố cục thành 10 chương. So với Luật Tài nguyên nước năm 2012, dự thảo Luật không tăng về số chương (trong đó giữ nguyên **9** điều; sửa đổi, bổ sung **59** điều; bổ sung mới **15** điều) và bãi bỏ **13** điều, cụ thể như sau:

**a) Chương I. Quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10)**

- Kế thừa, hoàn thiện các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 về các nguyên tắc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Bổ sung quy định về các loại hình hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước; trách nhiệm cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý, vận hành; quản lý thông tin dữ liệu tài nguyên nước theo hướng công khai; quy định trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức, cá nhân trong việc cập nhật thông tin, số liệu vào hệ thống (Điều 8, Điều 9).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 về các hành vi bị nghiêm cấm, trong đó sửa đổi, bổ sung hành vi cấm lấp sông, suối, kênh, rạch; xả nước thải vào nguồn nước dưới đất; khai thác trái phép cát, sỏi và các loại khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung về lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước (chuyển nội dung của Điều 6) và ghép với nội dung về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước (ghép với Điều 44) vì nội dung này chỉ liên quan đến cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

**b) Chương II. Điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước, gồm 12 điều (từ Điều 11 đến Điều 22)**

- Rà soát, bổ sung các quy định về điều tra cơ bản, chiến lược, quy hoạch tài nguyên nước để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, thống nhất với các luật khác. Đồng thời, bố cục, sắp xếp lại các quy định về quy hoạch về tài nguyên nước trong dự thảo Luật bảo đảm logic và thống nhất.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 về nguyên tắc lập quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng quy định rõ các nguyên tắc lập quy hoạch và là cơ sở cho lập các quy hoạch ngành có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác; bỏ quy định về việc lập quy hoạch bảo vệ, khai thác, sử dụng nước liên quốc gia để thống nhất với Điều 15.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 về nhiệm vụ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh phù hợp với thực tế và Luật Quy hoạch; bãi bỏ các nội dung trùng lặp với nội dung lập quy hoạch.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 về nội dung quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh và phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh. Đồng thời, bổ sung quy định xác định các vùng, tiểu lưu vực sông, nguồn nước ưu tiên lập kế hoạch chi tiết điều hòa, phân bổ, bảo vệ và phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 về rà soát, điều chỉnh quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh theo hướng quy hoạch được rà soát theo định kỳ 05 năm và giao Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định việc điều chỉnh đối với một số trường hợp (vùng chức năng của nguồn nước; bổ sung, điều chỉnh hoặc đưa ra khỏi quy hoạch công trình điều tiết, trữ nước, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước).

**c) Chương III.** **Bảo vệ tài nguyên nước và phục hồi nguồn nước, gồm 13 điều (từ Điều 23 đến Điều 35)**

- Quy định cụ thể về chức năng nguồn nước và việc phân vùng chức năng nguồn nước tại Điều 23 về chức năng nguồn nước.

- Bổ sung Điều 24 về hành lang bảo vệ nguồn nước; Điều 25 về dòng chảy tối thiểu; Điều 26 về ngưỡng khai thác nước dưới đất.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 về bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trong dự thảo theo hướng quy định các nội dung bảo vệ nguồn nước cho sinh hoạt và trách nhiệm các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức/cá nhân trong bảo vệ chất lượng nguồn nước cho sinh hoạt, trong đó có quy định tiêu chí xác định công trình cấp nước sinh hoạt đặc biệt quan trọng.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 về bảo vệ chất lượng nguồn nước trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản và các hoạt động khác.

- Bổ sung Điều 32 dự thảo về bảo vệ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa, theo đoa, quy định rõ nguồn nước liên quan đến hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, có giá trị cao về đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 về phòng, chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước theo hướng bổ sung thêm quy định các công trình khai thác sử dụng nước kém hiệu quả gây suy thoái cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước phải cải tạo, nâng cấp, hoặc phá dỡ; nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được xử lý, kiểm soát và có các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí dân cư ở ven các đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 về phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước.

**d) Chương IV. Điều hòa, phân phối và Khai thác, sử dụng tài nguyên nước, gồm 22 điều (từ Điều 36 đến Điều 57)**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 36 về điều hòa, phân phối tài nguyên nước theo hướng quy định các nguyên tắc điều hòa, phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng; việc xây dựng, công bố kịch bản nguồn nước; việc thực hiện hoạt động điều hòa, phân bổ tài nguyên nước và quy định trách nhiệm trong điều hòa, phân phối tài nguyên nước.

- Bổ sung Điều 37 về điều hoà, phân phối nguồn nước trong trường hợp hạn hán, thiếu nước theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ, cơ ngang bộ, địa phương và các tổ chức, cá nhân trong thực hiện điều hoà, phân phối nguồn nước khi xảy ra hạn hán, thiếu nước.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa (Điều 39) theo hướng quy định quy trình vận hành liên hồ chứa hướng tới theo thời gian thực bảo đảm tối ưu việc điều tiết nước cho các mục đích sử dụng.

- Bổ sung Điều 42 về quy định chung về quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trong đó bổ sung quy định về nghĩa vụ trong trường hợp hạn hán, thiếu nước phải cắt, giảm lượng nước khai thác, sử dụng; điều chỉnh chế độ khai thác, vận hành công trình khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 44 về đăng ký, cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các quy định về khai thác, sử dụng nguồn nước cho các mục đích.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 53 về hồ chứa và khai thác, sử dụng nước hồ chứa, đập dâng theo hướng quy định quản lý khai thác, sử dụng đối với các hồ chứa trên sông suối và hồ chứa không trên sông, suối, trong đó quy định việc chấp thuận sử dụng mặt nước hồ chứa; an toàn đập, hồ chứa nước; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 54 về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước và tổ chức cá nhân trong việc tổ chức thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55 biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả theo hướng bổ sung quy định tại khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước tổ chức, cá nhân đầu tư dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước phải có giải pháp tuần hoàn, tái sử dụng nước thải trong giai đoạn thiết kế dự án.

**đ) Chương V. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, gồm 6 điều (từ Điều 58 đến Điều 63)**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 về phòng, chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo theo hướng quy định các hoạt động phòng chống hạn hán, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo; quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức cá nhân trong tổ chức thực hiện phòng chống hạn, thiếu nước, lũ, lụt, ngập úng nhân tạo.

- Sửa đổi bổ sung Điều 63 về phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hồ, trong đó quy định các hoạt động phòng chống sạt, lở, lòng, bờ, bãi sông, hồ; các hoạt động có nguy cơ gây tác động xấu đến sự ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ phải thực hiện đánh giá tác động và có phương án bảo vệ và được thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản; quy định trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong tổ chức thực hiện.

**e) Chương VI.** **Công cụ kinh tế, chính sách và nguồn lực cho tài nguyên nước, gồm 8 điều (từ Điều 64 đến Điều 71)**

- Bổ sung Điều 65 quy định về thuế, phí về tài nguyên nước.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 66 quy định về tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo hướng quy định các đối tượng phải nộp tiền cấp quyền khai thác nước (trong đó bổ sung mới quy định thu tiền cấp quyền đối với mục đích sinh hoạt, nông nghiệp và có lộ trình); quy định cụ thể các trường hợp khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền, được miễn, giảm tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

- Bổ sung Điều 67 quy định về dịch vụ bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; bổ sung Điều 68 quy định về tích hợp hoạt động tài nguyên nước; bổ sung Điều 69 quy định về ưu đãi, hỗ trợ đối với hoạt động bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; bổ sung Điều 70 quy định về nguồn lực cho bảo vệ, phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước; bổ sung Điều 71 quy định về đầu tư phát triển, tích trữ nước và phục hồi nguồn nước ưu tiên thực hiện theo hình thức xã hội hóa.

**g) Chương VII. Hợp tác quốc tề về tài nguyên nước, gồm 4 điều (từ Điều 72 đến Điều 75**

Về cơ bản kế thừa các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và chỉ chỉnh sửa lại thuật ngữ cho phù hợp với thông lệ quốc tế.

**h) Chương VIII. Trách nhiệm quản lý tài nguyên nước, gồm 3 điều (từ Điều 76 đến Điều 78)**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 76 về trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, trong đó quy định tích hợp các trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ về quản lý tài nguyên nước và có liên quan về khai thác, sử dụng tài nguyên nước (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương...) trong một luật để quản lý, kiểm soát, điều tiết toàn diện các vấn đề về nước trên cơ sở thống nhất quản lý về tài nguyên nước, đảm bảo không gây chồng chéo, giao thoa trong quản lý về nguồn nước và khai thác, sử dụng, bảo vệ và phòng chống tác hại do nước gây ra, phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương trong quản lý nguồn nước, quản lý hoạt động khai thác, quản lý hệ thống cấp nước…

- Sửa đổi, bổ sung Điều 77 các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về tài nguyên nước của Uỷ ban nhân dân các cấp, trong đó quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Bỏ Điều 74 về Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước của Luật Tài nguyên nước 2012.

**i) Chương IX. Thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước, gồm 2 điều (từ Điều 79 đến Điều 80)**

- Sửa đổi bổ, sung Điều 79 về thanh tra chuyên ngành tài nguyên nước theo hướng quy định Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về thanh tra.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80 về giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo hướng quy định tranh chấp về tài nguyên nước, hòa giải tranh chấp về tài nguyên nước và trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thực hiện.

**k) Chương X. Điều khoản thi hành, gồm 3 điều (từ Điều 81 đến Điều 83).**

Bỏ Điều 79 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành của Luật Tài nguyên nước 2012.

Dự thảo Luật không có quy định nào tạo ra sự phân biệt về giới và nội dung quy định trong dự thảo Luật tương thích với điều ước quốc tế có liên quan về quyền con người (công ước CEDAW) mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trên đây là Tờ trình tóm tắt về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi), Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

*(Tài liệu gửi kèm: (1) Tờ trình Quốc hội và Phụ lục nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến Kết luận của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (2) Dự thảo Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (3) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (6) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật Tài nguyên nước (sửa đổi); (7) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (8) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan; Bản sao ý kiến góp ý; (9) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (10) Báo cáo đánh giá tình hình thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2012; (11) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế; (12) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên nước (sửa đổi))*.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Trung ương Đảng;  - Ủy ban KH, CN và MT của Quốc hội;  - Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Các Bộ: TP, NN&PTNT, XD, CT, TN&MT;  - VPCP: BTCN, các PCN;  Các Vụ: NN, KTTH, QHDP, TH;  - Lưu: VT, PL (03). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **KT. THỦ TƯỚNG**  **PHÓ THỦ TƯỚNG**  **(Đã ký)**  **Trần Hồng Hà** |